

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2022/DS-PT

Ngày 21-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản, hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tâm

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền  
Bà Ngô Thị Bích Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Th1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2022/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: số 13/22, khu phố A, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1971; địa chỉ: số A61Bis đường M, khu phố B1, phường B2, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021), có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1975; địa chỉ: số 05 đường số 10, tổ 1, khu phố 9, phường P, thành phố Th1, tỉnh Bình Dương, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Tấn K, sinh năm 1976; địa chỉ: số 39/8, đường BC 63, khu phố B, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số 5, đường N0, KDC P 1, phường P, thành phố Th1, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2022), có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111a, đường Pr, phường B3, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh: Tầng trệt và lầu 1, 64-66 B4, Phường 14, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:*

+ Ông Trần Văn T - chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, vắng mặt.

+ Ông Võ Huy H1 - chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, có mặt.

+ Ông Nguyễn Thế Đ - chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, vắng mặt.

Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2022).

2. Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Đường V, khu phố B5, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1970; địa chỉ: số 13/22, khu phố A, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị Hồng L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 11/11/2020, ông Phạm Văn H có cho bà Lê Thị Hồng L vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất hai bên không thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền mà thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại nhà ông H. Khi vay, để làm tin cho số tiền vay 1.000.000.000 đồng, bà L có thể chấp cho ông H 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21; 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61A-658.21; 01 bản photo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và bà Lê Thị Hồng L ngày 06/9/2019. Việc vay tiền được lập bằng Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020.

Đến khi hết thời hạn vay, ông H đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ nhưng bà L xin khất nợ và kéo dài cho đến nay vẫn không thanh toán nên buộc ông H phải khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Lê Thị Hồng L trả cho ông H số tiền đã vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 11/11/2020 đến ngày 11/8/2022 với lãi suất 1%/tháng tương đương với số tiền là 210.000.000 đồng, tổng cộng 1.210.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất quá hạn là 0.8%/tháng tạm tính từ ngày 11/02/2021 đến ngày 11/8/2022 là 18 tháng tương đương số tiền là 144.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam thì nguyên đơn không có ý kiến.

*\* Bị đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:*

Giữa bà L và ông Phạm Văn H không có mối quan hệ gì, bà L không biết ông H là ai và cũng không có mối quan hệ giao dịch vay mượn tiền nào. Bà L chỉ có mối quan hệ tình cảm, làm ăn, hôn hạp với ông Phạm Văn H1 (anh ruột của ông H) từ năm 2013.

Bà không nhớ thời gian chính xác nhưng khoảng năm 2020, khi bà L ở nhà một mình thì có ông Phạm Văn H1 và một người đàn ông khác đến nhà và đã khống chế, đe dọa, ép buộc, yêu cầu bà L ký tên và lấn tay vào giấy, do là phụ nữ và chỉ sống một mình nên buộc bà phải ký vào giấy mà ông H1 và người đàn ông đó đã đưa, bà không biết đó là giấy gì, nội dung của giấy đó ra sao. Sau khi bà ký xong, ông H1 và người đó đi về được một lúc thì bà nhận được tin nhắn của ông H1 gửi cho bà yêu cầu bà không được báo Công an chứ không là bị giết chết, đồng thời ông H1 cũng xin bà là không được tố cáo ông H1 ra Công an không là ông H1 sẽ bị bắt. Vì nghĩ có mối quan hệ tình cảm, tình nghĩa làm ăn chung với nhau lâu năm nên bà đã không tố cáo Công an và bà cũng mới biết được người đi cùng ông H1 đưa giấy đến cho bà ký tên là ông Phạm Văn H (em ruột ông H1), ông H1 nói với bà là ông H1 sẽ tự giàn xếp với ông H, còn số tiền trong giấy tờ bà đã ký không liên quan gì đến bà nên bà không có ý kiến gì, kể từ đây bà cũng mới biết việc bà vừa ký tên là hợp đồng vay tiền. Bà L thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020 là của bà. Tuy nhiên, việc bà ký tên và lấn tay vào hợp đồng là do bị khống chế, ép buộc.

Đối với 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 là của ông Phạm Văn H1 mua nhưng nhờ bà đứng tên dùm vì khi đó ông H1 mua trả góp nhưng giữa vợ chồng ông H1 xảy ra mâu thuẫn nên vợ ông H1 không ký để ông H1 mua xe trả góp cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 2 - Phòng giao dịch B4. Số tiền trả trước cho ngân hàng 500.000.000 đồng là tiền của ông H1 bỏ ra trả, sau đó hàng tháng ông H1 cũng là người đứng ra trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng, đến tháng 10/2021 đến nay ông H1 làm ăn thất bại nên không trả được, trong khi đó người đứng trong hợp đồng tín dụng là bà L nên bà phải đứng ra trả, mỗi tháng cả gốc và lãi khoảng 25.000.000 đồng.

Việc đại diện nguyên đơn cho rằng bà L đã vay số tiền của ông H 1.000.000.000 đồng và đã làm tin cho ông H 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 là sai sự thật vì sau khi mua xong chiếc xe ông H1 là người quản lý, sử dụng chiếc xe, bà hoàn toàn không sử dụng nên không biết hiện tại chiếc xe giờ ai đang quản lý mà đến khi ông H khởi kiện bà và cho rằng chiếc xe đó đang cầm cho ông H thì bà mới biết chiếc xe đang do ông H quản lý. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì bà không đồng ý.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam thì bà đồng ý vì hiện tại bà không còn khả năng trả nợ hàng tháng cho ngân hàng, số

tiền còn lại đang nợ của ngân hàng 455.000.000 đồng bà cũng không còn khả năng trả nên bà đồng ý giao chiếc xe ô tô biển số 61A-658.21 cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Còn đối với số tiền bà đã bỏ ra để trả tiền lãi cho ngân hàng từ tháng 10/2021 đến nay thì bà sẽ tự thỏa thuận với ông H1, nếu không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện ông H1 thành vụ án khác.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H1 trình bày:*

Ông Phạm Văn H1 là anh ruột của ông Phạm Văn H, ông H1 có mối quan hệ tình cảm và mối quan hệ làm ăn với bà Lê Thị Hồng L từ năm 2013. Việc ông H khởi kiện yêu cầu bà L trả cho ông H số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020 thì ông không đồng ý vì số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020 là do ông H1 vay của ông H nhưng do để làm tin cho việc vay tiền ông H1 phải đưa xe ô tô biển số 61A-658.21 cầm cho ông H, chiếc xe này là của ông H1 nhưng trong giấy tờ ông lại nhờ bà L đứng tên dùm nên ông đã nhờ bà L ký tên và lăn tay trong Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020. Số tiền mà ông đã nhận từ ông H là 800.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng ông chưa nhận từ ông H nhưng là anh em trong gia đình nên ông không tính toán.

Việc bà L cho rằng ông H1 và ông H đã đến nhà không chế, ép buộc bà L ký tên vào Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020 là sai sự thật, khi được sự đồng ý của bà L thì ông H mới làm giấy tờ rồi cùng ông H1 đưa đến nhà cho bà L ký, các bên đã vui vẻ nói chuyện với nhau vì trước đó ông H1 đã giúp bà L rất nhiều nên lần này ông gặp khó khăn nên nhờ bà L đứng tên thì bà L vui vẻ nhận lời.

Đối với xe ô tô biển số 61A-658.21 là xe của ông đã mua với giá gần 1.600.000.000 đồng nhưng ông mua trả góp, ông trả trước 500.000.000 đồng, còn lại trả góp cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 2- Phòng giao dịch B4. Khi đó, do vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, vợ ông không ký cho ông vay ngân hàng nên ông đã nhờ bà L đứng tên trong hợp đồng tín dụng cũng như giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên. Quá trình vay, ông vẫn trả nợ cho ngân hàng nhưng khoảng tháng 10/2021 ông làm ăn thất bại không có tiền nên không trả được cho ngân hàng, bà L là người đứng ra trả nợ thay ông. Ông H1 khẳng định chiếc xe ô tô biển số 61A-658.21 cũng chính là chiếc xe ô tô con màu trắng được thể hiện trong Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản ngày 11/11/2020.

Do đó, việc ông H khởi kiện bà L yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng thì ông không đồng ý, ông xác định đây là số tiền ông vay nên ông H1 đồng ý trả cho ông H. Tuy nhiên, hiện nay ông H1 đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bình Dương về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông không có khả năng trả tiền cho ông H nên hiện nay xe ô tô biển số 61A-658.21 đang cầm cố ở ông H thì ông H trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền nợ còn lại rồi ông H được quyền sở hữu chiếc xe, còn thiếu số tiền bao nhiêu sau này ông H1 sẽ trả lại cho ông H. Trường hợp, ông H không đồng ý thì để bà L

bán xe ô tô biển số 61A-658.21 rồi trả nợ cho ngân hàng, số tiền còn lại trả cho ông H, còn thiếu số tiền bao nhiêu sau này ông H1 sẽ trả lại cho ông H.

*\* Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trình bày:*

Ngày 06/9/2019, bà Lê Thị Hồng L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 Ngân hàng TPCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 2 - Phòng giao dịch B4, với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.050.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân 10/9/2019 đến ngày 09/9/2024;
- Lãi suất: Lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm giải ngân là 9.3%/năm và được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, hết thời hạn trên được điều chỉnh 03 tháng một lần
- Mục đích vay: Mua xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest.
- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà L thanh toán cho ngân hàng đầy đủ. Tuy nhiên, theo điểm 9.1.3 khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết thì bà L bị coi là vi phạm nếu bà L là đối tượng của bất kỳ vụ án tranh chấp/kiện tụng nào mà theo ngân hàng là ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nên hiện nay bà L là bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Phạm Văn H là đã vi phạm điểm 9.1.3 khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết và ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên ngân hàng có yêu cầu độc lập đối với bà L , cụ thể:

+ Yêu cầu bà Lê Thị Hồng L thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2022 là 459.051.370 đồng, trong đó nợ gốc là 455.000.000 đồng và tiền lãi là 4.051.370 đồng.

+ Yêu cầu Tòa án tuyên bản giao tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 61A-658.21 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019 cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp là để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì bà L có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

*\* Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:*

Bà N là vợ của ông Phạm Văn H và là em dâu của ông Phạm Văn H1, bà không có mối quan hệ gì với bà Lê Thị Hồng L. Bà N chỉ biết đưa cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông H đã nhờ bà Ngừi dùm cho ông H (vì đây là số tiền làm ăn riêng của ông H chứ không phải tài sản chung của vợ chồng) để ông H cho bà L vay, còn hai bên giao nhận tiền và làm giấy tờ như thế nào bà N không rõ, bà N chỉ nghe ông H nói lại là bà L có đưa cho ông H xe ô tô để tin cho việc vay mượn tiền và cho đến nay vẫn chưa trả được tiền cho ông H nên ông H vẫn giữ chiếc xe ô tô.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Th1 đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2016 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Hồng L có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H tổng số tiền 1.144.000.000 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020 và tiền lãi 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Hồng L 01 xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị Hồng L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tổng số tiền 459.051.370 đồng (bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc 455.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 21/7/2022 là 4.051.370 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 ngày 06/9/2019.

Kể từ ngày 22/7/2022, đến khi thi hành án xong, bà L còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 ngày 06/9/2019.

Sau khi bà L trả hết số nợ trên, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có trách nhiệm trả lại bà L 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 105338 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Bình Dương cấp cho bà L ngày 05/9/2019.

Trường hợp bà L không trả số tiền trên hoặc trả nhưng không đầy đủ thì buộc bà L phải giao cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chiếc xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019 theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 7599900.19 ngày 06/9/2019.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 20/9/2022, bà Lê Thị Hồng L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị Hồng L không thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Hồng L làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn không có kháng cáo và Viện Kiểm sát không có kháng nghị đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc quyết định của bản án sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Hồng L 01 xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Buộc bà Lê Thị Hồng L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tổng số tiền 459.051.370 đồng (bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc 455.000.000 đồng (bốn

trăm năm mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 21/7/2022 là 4.051.370 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 ngày 06/9/2019.

Kể từ ngày 22/7/2022, đến khi thi hành án xong, bà L còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 ngày 06/9/2019.

Sau khi bà L trả hết số nợ trên, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có trách nhiệm trả lại bà L 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 105338 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Bình Dương cấp cho bà L ngày 05/9/2019.

Trường hợp bà L không trả số tiền trên hoặc trả nhưng không đầy đủ thì buộc bà L phải giao cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chiếc xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Pord, biển số 61A-658.21 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019 theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 7599900.19 ngày 06/9/2019.

Cho nên, một phần quyết định của Bản án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án.

[3] Về kháng cáo của Lê Thị Hồng L nhận thấy:

Tại giấy viết tay “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” giữa người cho mượn tiền và người mượn tiền bà Lê Thị Hồng L lập ngày 11/11/2020, bà L thừa nhận có ký tên, lăn tay điểm chỉ và viết họ tên vào tờ giấy mượn số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 11/11/2020 là đúng.

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 20/6/2020, bà L thừa nhận ông Phạm Văn H1 là người quen thân có mối quan hệ làm ăn lâu dài, có đưa cho bà L một giấy viết tay “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” ép buộc bà ký tên vào tờ giấy mượn tiền này chứ bà L không có vay mượn tiền của ông H.

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 24/6/2020, ông Phạm Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai thừa nhận số tiền vay mượn của ông H 1.000.000.000 đồng là ông H1 tự nguyện thỏa thuận vay mượn ông H và được ông H chấp nhận, ông H1 thế chấp cho ông H 01 xe ô tô của ông H1 mua trả góp, ông H1 nhờ bà L đứng tên dùm. Giấy viết tay do ông H lập tại nhà của ông H sau đó ông H1 cùng ông H đến nhà bà L yêu cầu bà L ký tên vào một giấy viết tay “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản là do ông H tự ghi trước tại nhà của ông H, sau đó ông H cùng ông H1 sang nhà bà L nhờ bà L ký tên và ghi họ tên vào tờ giấy mượn tiền do ông H đã viết sẵn từ trước, số tiền mượn ông H đưa cho ông H1 800.000.000 đồng tại nhà ông H và nhờ bà L đứng tên vay mượn dùm. Ông H1 xác định số tiền vay 1.000.000.000 đồng là tiền ông H1 vay của ông H, nên ông H1 chấp nhận bán xe ô tô để thanh toán cho ông H nếu không đủ sau này ông H1 sẽ trả cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L kháng cáo cho rằng bị đơn ký tên, lăn tay trên giấy nợ là do ông Phạm Văn H1 và ông Phạm Văn H có hành vi khống chế, đe dọa, ép buộc bị đơn phải ký tên vào hợp đồng vay tiền, chứ bà L hoàn toàn không biết nội dung đó là gì. Hơn nữa, sau đó do ông Phạm Văn H1 đe dọa bà L

không được báo Công an không là bị giết chết, một phần vì sợ, một phần là ông H1 có nói với bà L là số nợ này không liên quan gì đến bà L, tự ông H1 giàn xếp với ông H nên không được báo với Công an để ông H1 khỏi bị bắt. Vì nghĩ tình nghĩa làm ăn chung với nhau lâu năm nên bà L đã không báo Công an và đến nay ông H lại đi khởi kiện yêu cầu bà trả nợ. Chiếc xe ô tô con màu trắng ghi trong hợp đồng cũng chính là xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do bà Lê Thị Hồng L đứng tên.

Đối chiếu các chứng cứ trên xét thấy, ông H và ông H1 có mối quan hệ anh em ruột với nhau, xe ô tô là của ông H1 giao cho ông giữ, ông H có đưa cho ông H1 800.000.000 đồng, hai bên chỉ nói miệng là có thật, xe ô tô bà L đứng tên nhưng ông H1 là người bỏ tiền ra mua trả góp được ông H1 và bà L thừa nhận, bà L đứng tên giấy đăng ký xe nên bà L chấp nhận trả nợ cho ngân hàng thay ông H1, còn số tiền vay mượn 1.000.000.000 đồng ngoài một giấy viết tay do ông H ghi lập ngày 11/11/2020, ông H không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền 1.000.000.000 đồng đã giao cho bà L vay để bà L sử dụng vào mục đích gì.

Ông H chỉ căn cứ vào một giấy viết tay “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản ngày 11/11/2020 để khởi kiện yêu cầu bà L phải số tiền vay mượn và lãi là không có thật, ngoài tài liệu, chứng cứ này ông H không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ông H có đưa cho bà L số tiền vay mượn là 1.000.000.000 đồng, nên không có đủ căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và lập luận trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Hồng L. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Th1.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2016 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn H phải chịu số tiền 46.320.000 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 22.800.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021-0000710 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th1; ông H còn phải chịu 23.520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Hồng L phải chịu tiền 22.362.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được chấp nhận.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th1 hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 11.181.000 đồng (mười một triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021-0001707 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th1.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà Lê Thị Hồng L số tiền 300.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000155 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án Th1, tỉnh Bình Dương.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Th1;
- TAND thành phố Th1;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tâm**

